

Bản án số:13/2021/HNGĐ -ST

Ngày 31/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Vũ

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan – thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:11/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐSXST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị M H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu *, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1991

3. *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1951

Đều ở địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện X, tỉnh Thái Bình.

(Chị H và anh M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị M H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã T), huyện X vào ngày 15/11/2012. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh M không chịu khó lao động. Năm 2017 mâu thuẫn càng tăng nên anh M về Thái Bình ở còn chị và hai con sinh sống tại Quảng Ninh cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không trở về đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là Nguyễn Anh M, sinh ngày 25/02/2014 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 21/7/2017. Hai bên đã thỏa thuận, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Chị không yêu cầu anh M góp tiền cấp dưỡng nuôi con, hiện chị làm lao động tự do thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và nợ chung: Chị và anh M không có tài sản chung, không vay nợ chung.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 05/3/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: về thời gian kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị H khai, anh xác định vợ chồng không trở về đoàn tụ được nên cũng nhất trí ly hôn. Về con chung anh và chị H đã thỏa thuận việc nuôi con như chị H trình bày. Anh không yêu cầu chị H góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không có. Anh đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Cháu Nguyễn Anh M có nguyện vọng được ở với anh M khi anh chị ly hôn.

Bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh M và chị H chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nên từ đó anh M về ở cùng với gia đình bà. Bà nhận các văn bản của Tòa án gửi cho anh M và cam kết thông báo lại nội dung cho anh M biết.

Kết quả xác M tại UBND xã T, huyện X thể hiện: Do thời gian anh M và chị H chung sống tại địa phương ít nên về nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị M H được ly hôn anh Nguyễn Văn M. Về con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc H, giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh M; việc cấp dưỡng không đặt ra giải quyết vì các đương sự không yêu cầu; về tài sản và nợ chung các đương sự đều khai không có. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Đỗ Thị M H xin ly hôn anh Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại xã T, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Kiến Xương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Năm 2017 giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ đó đến nay, chị H xin ly hôn, anh M xác định không trở về đoàn tụ được nên cũng nhất trí. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

[5] Về quan hệ con chung: Cháu Nguyễn Ngọc H là con gái, lại còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của chị H, cháu Nguyễn Anh M có nguyện vọng được ở với anh M. Xét thấy ý kiến của các đương sự về người trực tiếp nuôi dưỡng con phù hợp với việc chăm sóc, giáo dục con chung về độ tuổi và tâm sinh lý nên căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H và anh M, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc H, anh M trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Anh M. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh M về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có.

[7] Về án phí: Chị Đỗ Thị M H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Đỗ Thị M H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. **Về quan hệ con chung:** Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 21/7/2017; giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh M, sinh ngày 25/02/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị H và anh M có quyền thăm nom con chung.

3. **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** không có.

4. **Về án phí:** Chị Đỗ Thị M H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001813 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, chị H đã nộp đủ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị M Huệ